

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM
VIETNAM STONE WORK – TOP FABRICATION J.S.C
-----&*&-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018

HÀ NỘI – 2019

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY.....	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
3.1 Ngành nghề kinh doanh.....	4
3.2. Địa bàn kinh doanh.....	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	8
4.1 Mô hình quản trị.....	8
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	8
4.3. Danh sách công ty con, công ty liên kết.....	9
5. Định hướng phát triển	9
5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty	9
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	9
5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (đối với môi trường, xã hội và cộng đồng)	10
6. Các rủi ro.....	11
6.1 Rủi ro về tài chính	11
6.2 Rủi ro về luật pháp	13
6.3 Rủi ro đặc thù.....	14
6.4 Rủi ro khác	14
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018.....	15
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	15
1.1 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	15
1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	17
2. Tổ chức và nhân sự	18
2.1 Danh sách Ban điều hành	18
2.2 Những thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	21
2.3. Công tác nhân sự và những chính sách đối với người lao động.....	21
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	23
3.1 Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm năm 2018	23
3.2 Các công ty con, công ty liên kết :	24
4. Tình hình tài chính	24
4.1 Tình hình tài chính	24
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	25

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	26
5.1 Cổ phần	26
5.2 Cơ cấu cổ đông.....	26
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	27
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	27
1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2018	27
1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh	27
2. Phân tích tình hình tài chính.....	29
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	31
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	31
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	32
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	32
2. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc Công ty.....	34
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	34
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	35
1. Hội đồng quản trị của Công ty	35
1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị	35
1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	38
1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị	38
1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành	40
1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị	40
2. Ban kiểm soát của Công ty.....	40
2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát	40
2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát	42
2.3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty năm 2018.....	42
2.4. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị	43
2.5. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc	43
2.6. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, BGD.....	44
2.7. Kiến nghị của Ban kiểm soát	44
2.8. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.....	44
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	42
3.1 Thù lao, các khoản lợi ích.....	45
3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	45
3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ	45
3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.....	45
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	46

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam
- Tên giao dịch : Viet Nam Stone Work - Top Fabrication Joint Stock Company
- Tên viết tắt : **STONE VIETNAM**
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0500555916 (Chuyên từ số ĐKKD 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/02/2007) và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 26/10/2017.
- Vốn điều lệ : **110.000.000.000 đồng**
- Địa chỉ : Khu công nghiệp CNC, Khu CNC Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 – 33688306
- Fax : 024 – 33688305
- Email : info@stonevietnam.com
- Website : www.stonevietnam.com
- Mã cổ phiếu : **STV**
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: **11.000.000 CP**

2. Quá trình hình thành và phát triển

✓ Ngày 13/02/2007, Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0303000640 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) cấp với vốn điều lệ ban đầu là **20 tỷ đồng**.

✓ Ngày 21/06/2007, Công ty được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chính thức trở thành Công ty đại chúng.

✓ Ngày 05/04/2010, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 85/2010/GCNCP-VSD và cấp mã chứng khoán là : **STV**.

✓ Ngày 08/12/2011 Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là **STV** và ngày **15/12/2011** là ngày bắt đầu giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

✓ Từ khi thành lập đến nay Công ty đã có 06 lần tăng vốn điều lệ, quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

Lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng trong năm 2008 bằng hình thức pháp hành riêng lẻ theo Nghị quyết số 01/NQ/SVN-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2008 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua việc phát hành riêng lẻ cho các đối tác chiến lược của Công ty là Công ty Đá ốp lát cao cấp VINACONEX và Công ty Cổ phần Đệ Tam.

- Lần 2:** Tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng trong năm 2009 bằng hình thức phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết số 01/2009/NQ/SVN-DHĐCĐ ngày 07/05/2009 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua việc phát hành riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược.
- Lần 3:** Tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 41,025 tỷ đồng trong năm 2012 bằng hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2012/NQ/STV-DHĐCĐ ngày 20/04/2012 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.
- Lần 4:** Tăng vốn điều lệ từ 41,025 tỷ đồng lên 45,127 tỷ đồng trong năm 2013 bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược theo Nghị quyết số 01/2013/NQ/STV-DHĐCĐ ngày 23/03/2013 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.
- Lần 5:** Tăng vốn điều lệ từ 45,127 tỷ đồng lên 65,127 tỷ đồng trong năm 2014 bằng hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết số 02/2013/NQ/STV-DHĐCĐ ngày 18/09/2013 của Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.
- Lần 6:** Tăng vốn điều lệ từ 65,127 tỷ đồng lên 110,00 tỷ đồng trong năm 2017 bằng hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/STV-DHĐCĐ ngày 20/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 Công ty cổ phần chế tác đá Việt nam thông qua.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm nay của Công ty là tư vấn, thiết kế, gia công, chế tác các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces. Doanh thu bán hàng chi tiết như sau:

DVT: nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Tăng trưởng
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	
I	Doanh thu gia công, chế tác (Tr.đồng)	178.969	178.969	260.490	296.064	65,43%
1	Doanh thu đá mẫu xuất khẩu (Tr.đồng)	90.194	90.194	81.016	81.016	-10,18%
2	Doanh thu gia công, chế tác xuất khẩu (Tr.đồng)	28.988	28.988	104.006	104.006	258,79%
3	Doanh thu gia công, chế tác trong nước (Tr.đồng)	59.787	59.787	75.468	111.042	85,73%

3.2. Thị trường của STONE VIETNAM

Công ty CP Chế tác đá Việt Nam (STV) không ngừng xây dựng và phát triển thương hiệu để trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces. Sản phẩm của Công ty đã có mặt trên toàn lãnh thổ Việt Nam cũng như được xuất khẩu đi một số Châu lục trên thế giới thông qua đầu mối bán hàng là Công ty cổ phần VICOSTONE. Các sản phẩm của Stone Vietnam mang tính ứng dụng cao như: Mặt bàn bếp, bàn ăn, bàn trang điểm, quầy bar, bồn rửa, ốp tường, ...

Một số sản phẩm tiêu biểu do STV chế tác và lắp đặt:





Đường nét tinh xảo



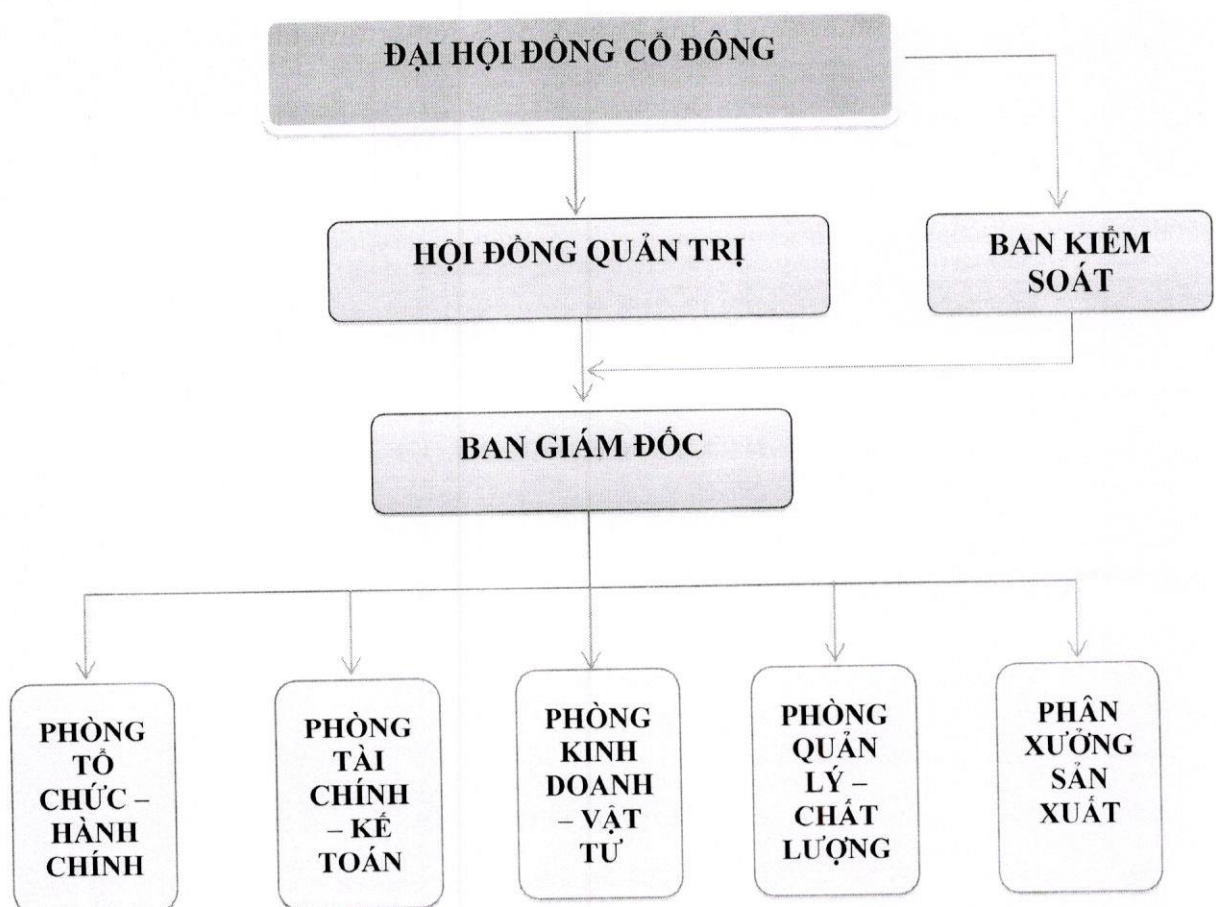
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông và các bộ máy quản trị bao gồm : Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CP CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM



Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là đơn vị có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, do ĐHCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của Công ty và do ĐHCĐ quyết định.

Ban kiểm soát

BKS do ĐHCĐ bầu ra, gồm 3 thành viên. BKS có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Ban Giám đốc.

Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc Công ty gồm Giám Đốc, các Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm. Các thành viên Ban Giám đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT và được HĐQT bầu, bổ nhiệm hoặc bãi miễn.

4.3. Danh sách công ty con, công ty liên kết

✓ **Công ty con:** Công ty cổ phần công nghiệp Trần Long

Địa chỉ: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: cắt tạo đá và hoàn thiện đá

Tỷ lệ sở hữu: 99,99%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 99,99%

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu chủ yếu là trở thành một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác và lắp đặt hoàn thiện các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces sử dụng trong nội thất tại thị trường Việt Nam và trên thị trường Quốc tế.

- Tiếp tục duy trì và phát triển các mạng lưới dịch vụ tiêu thụ sản phẩm; Nâng cao uy tín hơn nữa, phấn đấu trở thành đối tác tin cậy của các doanh nghiệp trong lĩnh vực đá nhân tạo gốc thạch anh cao cấp,

- Đào tạo và nâng cao năng lực điều hành quản lý, năng lực khoa học kỹ thuật, kỹ năng giao tiếp với khách hàng, ... cho cán bộ công nhân viên, hướng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ tốt hơn cho khách hàng,

- Quản trị tốt hệ thống phần mềm quản lý doanh nghiệp SAP_ERP (quản lý Tài chính, quản lý Kho, quản lý Bán hàng, quản lý Sản xuất - Lắp đặt - Dịch vụ bảo hành, ...).

- Xây dựng doanh nghiệp vững mạnh thông qua các chính sách ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống và gia tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên, củng cố tinh thần đoàn kết, tinh thần xây dựng, lòng nhiệt tình sáng tạo, ...

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng thương hiệu Công ty CP chế tác đá Việt Nam trở thành thương hiệu hàng đầu ở Việt Nam và trên Thế giới trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces bằng việc tăng cường công tác

quảng cáo, marketing . . .

- Tập trung chủ yếu vào sản xuất để đáp ứng yêu cầu về năng lực và chất lượng sản phẩm cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu (đá mẫu và dự án gia công chế tác) thông qua Công ty CP Vicostone và Công ty CP tập đoàn Phụng Hoàng xanh A&A.

- Mở rộng các cơ sở sản xuất ở các tỉnh, thành phố lớn trên toàn quốc nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng, đảm bảo cung cấp đủ sản phẩm cho thị trường trong nước.

- Mở rộng các ngành nghề kinh doanh khác trong điều kiện cho phép phù hợp với chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty.

- Tiếp tục tăng cường năng lực tài chính để tạo sức mạnh cạnh tranh;

- Tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài;

- Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến, tăng cường công tác quản trị rủi ro;

- Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ		% tăng, giảm KH 2019 so với TH 2018	Hợp nhất		% tăng, giảm KH 2019 so với TH 2018
			TH 2018	KH 2019		TH 2018	KH 2019	
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	260.490	392.838	50,27%	296.064	463.835	56,67%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10.681	13.808	29,28%	10.597	11.591	9,38%

5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (đối với môi trường, xã hội và cộng đồng)

✓ Xác định con người là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công của Công ty, trong những năm qua Công ty luôn luôn chú trọng và thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động thể hiện ở các điểm sau :

+ Công ty luôn đảm bảo công việc ổn định cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân tăng dần theo năm cụ thể:

Năm 2016: 11.091.000 đồng/người/tháng

Năm 2017: 12.361.000 đồng/người/tháng

Năm 2018: 14.020.000 đồng/người/tháng

+ Thường xuyên có các chế độ khuyến khích thi đua trong các tổ, đội sản xuất và lắp đặt giúp tăng năng suất lao động

+ Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca 2, ca 3, chế độ khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ kịp thời cho người lao động.

+ Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.

+ Thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV khi có việc hiếu hỷ, ốm đau, tổ chức quyên góp giúp đỡ CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn ...thể hiện tinh thần “lá lành đùm lá rách”.

+ Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

✓ Công ty cũng thường xuyên tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện . . . khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới một sự phát triển bền vững của xã hội

6. Các rủi ro

6.1 Rủi ro về tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản đi vay, cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau :

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì khoản cho vay trong kỳ có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro sự thay đổi hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể và ít phát sinh.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng, Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

Đơn vị tính: VNĐ

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Các khoản vay và nợ		37.000.000.000	37.000.000.000
Phải trả người bán	403.623.670.459		403.623.670.459
Chi phí phải trả	70.000.000		70.000.000
	403.693.670.459	37.000.000.000	440.693.670.459
Số đầu năm			
Các khoản vay và nợ		37.000.000.000	37.000.000.000
Phải trả người bán	112.821.524.242		112.821.524.242
Chi phí phải trả	44.000.000	-	44.000.000
	112.865.524.242	37.000.000.000	112.865.524.242

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng thanh toán khoản nợ này. Số dư nợ tập trung chủ yếu là từ Công ty cổ phần Vicostone, Công ty cổ phần tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A (bao tiêu đầu ra các sản phẩm của Công ty CP Chế tác đá Việt Nam) nên Công ty đánh giá rủi ro trong thanh toán nợ là thấp.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.2 Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần đồng thời đăng ký giao dịch trên sàn UpCom, Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Công ty Cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Đặc biệt, Công ty hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng nên chịu sự chi phối của Luật Xây dựng và các quy định khác về bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hệ thống pháp luật nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, các quy định còn mới đối với doanh nghiệp. Nhằm hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật và chính sách quản lý của Nhà nước, từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

6.3 Rủi ro đặc thù

Rủi ro về nhân sự:

Nguồn nhân sự rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác đá do đó đội ngũ công nhân phải có chất lượng, tay nghề thuần thục. Nếu nhân sự liên tục thay đổi sẽ ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất và kết quả kinh doanh của Công ty. Nhận thức được hậu quả của rủi ro này, công ty đã có những biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro: điều chỉnh chế độ lương thưởng, phúc lợi đãi ngộ để thu hút nhân tài, giữ chân người lao động; tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm cho cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống KPI với mục tiêu hàng tháng cụ thể, các tiêu chí đánh giá rõ ràng và mang tính định lượng cao nhằm đánh giá công bằng kết quả thực hiện công việc của người lao động.

Rủi ro về cạnh tranh:

Sản phẩm của Công ty đang trong giai đoạn thâm nhập vào thị trường trong nước, chưa được nhiều người tiêu dùng biết đến rộng rãi, chủ yếu tập trung tại thị trường Phía Bắc. Sự cạnh tranh cùng ngành sản phẩm thì rất ít nhưng sự cạnh tranh khác ngành sản phẩm và vật liệu thay thế thì rất nhiều. Các sản phẩm cạnh tranh chủ yếu hiện nay vẫn là dòng đá tự nhiên như Kimsa, Đen Huế, Marble và những dòng đá nhân tạo có xuất xứ từ Trung Quốc. Các công ty phân phối sản phẩm này ra đời và hoạt động từ lâu. Ngoài ra hiện nay trên thị trường Việt nam xuất hiện thêm rất nhiều các sản phẩm khác cùng loại như: Solid Surfaces, đá nhân tạo nhập từ Trung Quốc. Một số dòng sản phẩm Đá Quartz được sản xuất trên dây chuyền Breton như của Công ty cũng đã bắt đầu thâm nhập vào Việt Nam, như sản phẩm của Caesarstone được Hafele phân phối, sản phẩm Silestone được Công ty Đông Dương phân phối, sản phẩm của Handstone được công ty Hòn Ngọc đỏ phân phối.

Rủi ro an toàn lao động:

Đối với lĩnh vực gia công chế tác đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh, việc sản xuất gia công chế tác và lắp đặt trong điều kiện lao động khắc nghiệt như: môi trường làm việc nhiều tiếng ồn, nồng độ bụi cao, độ ẩm cao, công nhân thường mắc các bệnh về đường hô hấp, da ... Trong quá trình lắp đặt, rủi ro về an toàn lao động nếu xảy ra, đe dọa đến tính mạng người lao động.

6.4 Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty CP Chế tác đá Việt Nam đang nỗ lực không ngừng để trở thành Công ty hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp, gia công, chế tác, lắp đặt hoàn thiện các sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh sử dụng trong nội thất như Mặt bàn bếp, Mặt bàn Lavabo, Bồn tắm, các sản phẩm ốp lát.

Năm 2018 Công ty đã có bước phát triển mạnh đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế, tỷ trọng hàng xuất khẩu cut to size đã tăng đáng kể. Công ty liên tục cải tiến, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại để tăng năng suất lao động đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường trong nước khu vực Phía Bắc. Ngoài ra, Khu vực Phía nam, Công ty con là Công ty CP công nghiệp Trần Long đã hoạt động ổn định, đảm bảo cung cấp sản phẩm và các dịch vụ lắp đặt, bảo hành hoàn thiện cho thị trường Miền nam.

Công ty Cổ phần Chế tác Đá Việt Nam ngày càng được đông đảo người tiêu dùng biết đến và mong muốn sử dụng sản phẩm mang thương hiệu Vicostone cũng như dịch vụ của Công ty. Chất lượng sản phẩm và dịch vụ cũng như sự hài lòng của khách hàng là ưu tiên hàng đầu và là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty.

1.1 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		% tăng trưởng
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	
1	Tổng giá trị tài sản	264.671	333.491	468.217	636.340	90,81%
2	Tổng doanh thu	179.201	179.112	261.428	296.087	65,31%
2.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	178.970	178.970	260.491	296.064	65,43%
	- Doanh thu hàng hóa	1.652	1.652	5.153	1.552	-6,05%
	- Doanh thu thành phẩm	174.943	174.943	252.373	291.158	66,43%
	- Doanh thu khác	2.374	2.374	2.965	3.354	41,28%
2.2	Doanh thu hoạt động tài chính	231	142	937	23	-83,8%
3	Lợi nhuận từ HĐSX kinh doanh	6.594	9.489	10.738	10.725	13,03%
3.1	Lợi nhuận trước thuế	6.645	9.539	10.680	10.691	12,08%
3.2	Lợi nhuận sau thuế	6.074	8.969	8.749	8.595	-4,17%

4	Số lao động bình quân năm (Người)	175	198	200	249	25,76%
5	Thu nhập bình quân	12,36	11,17	14.020	13.282	18,91%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2017 và 2018 của STV)

❖ Cơ cấu chi phí hoạt động SXKD qua các năm, tỷ trọng trên tổng doanh thu

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017			Năm 2018		
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Tỷ lệ % chi phí /doanh thu	Công ty mẹ	Hợp nhất	Tỷ lệ % chi phí /doanh thu
1	Tổng doanh thu	179.200.918.782	179.112.125.135		261.427.867.084	296.087.878.572	
	Trong đó:						
	Doanh thu gia công, chế tác + khác	178.969.706.941	178.969.706.941		260.490.833.065	296.064.382.713	
2	Giá vốn hàng bán	158.708.685.151	158.708.685.151		234.956.500.640	267.376.719.079	
	Trong đó:						
	Giá vốn gia công, chế tác + khác	158.708.685.151	158.708.685.151	88,61%	234.956.500.640	267.376.719.079	90,3%
3	Chi phí bán hàng	1.428.094.767	1.428.094.767	0,80%	2.098.417.676	2.098.417.676	0,71%
4	Chi phí quản lý	8.132.802.554	8.887.779.546	4,96%	10.316.548.865	13.651.827.945	4,61%
5	Chi phí tài chính	4.336.966.814	598.166.666	0,33%	3.318.024.600	2.235.743.635	0,76%
6	Chi phí khác	7.269.858	7.287.502	0,0041%	59.734.375	80.728.641	0,03%
	Tổng chi phí	172.613.819.144	169.630.013.632		250.749.226.156	285.443.436.976	

(Nguồn: Báo cáo đã được kiểm toán năm 2017 và năm 2018)

* **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn bán hàng công ty mẹ STV tăng 76,24 tỷ đồng tương ứng 48,04% tăng tương ứng với tỷ lệ tăng doanh thu. Giá vốn hợp nhất tăng 108,6 tỷ tương ứng 68,47% do công ty con đã đi vào hoạt động và ghi nhận giá vốn tương ứng với doanh thu. Tỷ trọng giá vốn trên doanh thu năm 2018 đạt 90,3% cao hơn so với năm 2017 (88,61%) là do tỷ trọng doanh thu thay đổi: hàng cut to size và dự án, khách lẻ năm 2018 chiếm 66,5% trên tổng doanh thu tăng 19,5% so với năm 2017, tỷ trọng doanh thu mẫu chiếm 31,1% trên tổng doanh thu giảm 19,5% so với năm 2017. Cơ cấu doanh thu thay đổi, không tận dụng được nguồn phôi thừa để cắt cho sản phẩm mẫu.

* **Chi phí bán hàng:** năm 2018 tăng 670,3 triệu đồng so với năm 2017 (tương ứng 46,94%). do tăng theo mức tăng của doanh thu. Tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu năm 2018 cũng giảm so với tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu năm 2017.

* **Chi phí quản lý:** Năm 2018 tăng 4,7 tỷ đồng tương ứng 53,6% chủ yếu do hợp nhất chi phí quản lý của Công ty con: 3,35 tỷ đồng. Xét trên tỉ trọng doanh thu thì năm 2018 giảm hơn so với năm 2017 là 0,35%, do doanh thu tăng với tỷ lệ cao hơn tỷ lệ tăng của chi phí, Công ty cũng thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả hoạt động.

* **Chi phí hoạt động tài chính:** năm 2018, Chi phí lãi vay tăng 1,63 tỷ đồng so với năm 2017. Nguyên nhân: năm 2017 phát sinh khoản vay từ quý 4 năm 2017, năm 2018 chi phí lãi vay phát sinh khoản lãi tính cho cả năm. Chi phí tài chính của Công ty mẹ STV giảm 1,01 tỷ đồng do chi phí trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con năm 2018 giảm.

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

✓ **Khó khăn, hạn chế**

- Xu hướng người tiêu dùng đang ưa chuộng dùng nhiều sản phẩm có vein đa dạng nên việc tận dụng phối thừa để ghép shade cho các đơn hàng khác khó khăn hơn, làm tăng chi phí rác thải.

- Sản phẩm của Công ty được chế tác từ nguyên liệu là vật liệu cao cấp của Công ty CP Vicostone, Công ty CP Style stone nên giá thành của sản phẩm tương đối cao so với sản phẩm cùng loại được chế tác từ đá tự nhiên, đá nhân tạo của Trung Quốc do đó đã ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh về giá của sản phẩm tại thị trường trong nước.

- Sản phẩm tập trung vào mặt bàn bếp nên hiện tại chưa chủ động trong hoạt động lắp đặt mà vẫn đang phụ thuộc vào các đơn vị cung cấp tủ gỗ.

✓ **Thuận lợi:**

- Bộ máy quản lý của Công ty đã từng bước được kiện toàn, nhân sự được bổ sung vào các vị trí quản lý chủ chốt (Cán bộ quản lý tăng 3 cán bộ tương ứng tăng 75% so với năm 2017), giúp ổn định về nhân sự để Công ty hoạt động tốt và hiệu quả hơn.

- Sản phẩm của Công ty được chế tác từ đá thạch anh cao cấp mang thương hiệu VICOSTONE đã có mặt trên 40 quốc gia tại khắp các châu lục. Thương hiệu VICOSTONE được đẩy mạnh quảng bá ở thị trường trong nước. Số lượng SHOW ROOM năm 2018 đã tăng thêm 2 SHOW ROOM lớn tại Đà Nẵng và Nha Trang. Như vậy thương hiệu VICOSTONE đã có mặt ở các thành phố lớn cùng với mạng lưới các đại lý ở khắp các tỉnh, thành trên toàn quốc. Trong năm 2018 thương hiệu VICOSTONE còn được truyền thông rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như: quảng cáo trên Tivi, báo điện tử,..đã tạo một bước ngoặt để tăng thị phần trong nước.

- Sản phẩm có nhiều ưu điểm vượt trội trong ứng dụng nội thất, đặc biệt bàn bếp, bàn bar, bàn đảo.

- Công ty đã tập trung mọi biện pháp, phát huy tối đa nội lực, tận dụng thời cơ kinh doanh nhằm ổn định sản xuất, tạo đà phát triển cho doanh nghiệp, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường vật liệu trong và ngoài nước.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Tình hình thực hiện so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 được thể hiện với một số chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017 (Hợp nhất)	Năm 2018			Tỷ lệ % tăng trưởng so với năm 2017
				Kế hoạch (Hợp nhất)	Thực hiện (hợp nhất)	Tỷ lệ % TH/KH	
1	Tổng doanh thu	Tr. Đồng	179.112	214.161	296.087	38,25%	65,31%
	Trong đó:						
	<i>Gia công, chế tác, khác</i>	Tr. Đồng	178.970		296.064		65,43%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	9.539	9.246	10.691	15,63%	12,08%
3	Số lao động có đến cuối kỳ báo cáo	Người	208	239	294	23,01%	41,35%
4	Thu nhập bình quân người / tháng	Nghìn đồng	11,170		13,282		18,91%

Năm 2018 với nhiều thách thức, áp lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế và trong nước, Chính sách áp thuế của Mỹ đối với Trung Quốc cũng ảnh hưởng đáng kể đến ngành chế tác. Mặt khác, Công con là Công ty cổ phần công nghiệp Trần Long đã đi vào sản xuất ổn định và đã ghi nhận doanh thu đạt 39,66 tỷ đồng đóng góp đáng kể vào việc tăng trưởng doanh thu của Công ty CP Chế tác đá Việt Nam. Doanh thu của công ty mẹ STV tăng 45,55% tương ứng 81,52 tỷ đồng so với năm 2017 và tăng 35,91% tương ứng 68,83 tỷ đồng so với kế hoạch. Doanh thu hợp nhất tăng 65,43% tương ứng 117,09 tỷ đồng so với năm 2017 và tăng 38,24% tương ứng 81,9 tỷ đồng so với kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế tăng 60,73% tương ứng 4,03 tỷ đồng so với năm 2017 và tăng 0,97% tương ứng 0,103 tỷ đồng so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất tăng 12,08% tương ứng 1,15 tỷ đồng so với năm 2017 và tăng 15,63% tương ứng với 1,44 tỷ đồng so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

Ông Lưu Công An	Giám đốc
Ông Đỗ Quang Tiến	Phó Giám đốc
Ông Ninh Quốc Cường	Phó Giám đốc
Bà Cao Hoàng Lan	Kế toán trưởng

Ông Lưu Công An - Giám đốc công ty

Ngày tháng năm sinh	15/07/1965
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư động lực

Quá trình công tác

Từ năm 2000-10/2004	Phó phòng thiết kế Công ty Diesel Sông Công
Từ tháng 10/2004-11/2004	Trưởng phòng kỹ thuật CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 12/2004-04/2005	Quản đốc phân xưởng Brestone CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 05/2005-02/2007	Phó giám đốc- Công ty CP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 03/2007-08/2015	Ủy viên HĐQT Công ty CP Vicostone
Từ tháng 03/2007 đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Vicostone
Từ năm 2016 đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty CP tập đoàn Phụng hoàng xanh A&A
Chức vụ hiện nay ở Công ty	Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác	Phó tổng giám đốc Công ty CP tập đoàn Phụng hoàng xanh A&A Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Vicostone

Ông Đỗ Quang Tiên – Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	03/09/1981
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
Từ tháng 6/2004-10/2006	Kỹ sư Phòng kỹ thuật, Phân xưởng Nghiên sảng, Phân xưởng Brestone, Phòng Quản lý chất lượng Công ty CP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 10/2006-04/2007	Phó Trưởng phòng QLCL CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 04/2007-06/2008	Phó Trưởng phòng Vật tư CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 06/2008-06/2016	Trưởng phòng Vật tư Công ty CP đá ốp lát cao cấp VINACONEX (Từ năm 2013 đổi tên thành Công ty CP Vicostone)
Từ tháng 06/2016-03/2017	Giám đốc Nhà máy sản xuất số 2 Công ty CP Vicostone
Từ tháng 04/2017-03/2018	Trưởng phòng Vật tư Công ty cổ phần Vicostone
Từ tháng 03/2018 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ hiện nay ở Công ty	Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác	Không

Ông Ninh Quốc Cường - Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	06/02/1962
Trình độ chuyên môn	Công nhân bậc 7/7
Quá trình công tác	
Từ tháng 06/2003 - 04/2008	Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty VINADDECOR
Từ tháng 05/2008 – 09/2009	Quản đốc Phân xưởng sản xuất kiêm Phó Trưởng Ban quản lý dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, chế tác đá trang trí nội thất” thuộc Công ty CP Chế tác đá Việt nam
Từ tháng 10/2009 – 08/2012	Phó Giám đốc, kiêm Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty CP Chế tác đá Việt nam
Từ tháng 09/2012 – đến nay	Ủy viên HĐQT- Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt nam
Chức vụ hiện nay ở Công ty	Ủy viên HĐQT- Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt nam
Chức vụ đảm nhận ở các Công ty khác	Không

Bà Cao Hoàng Lan – Kế toán trưởng Công ty

Ngày tháng năm sinh	01/08/1978
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ tháng 2/2002 –08/2008	Nhân viên kế toán – Chi nhánh Hà nội –Tổng công ty 28-Bộ quốc phòng
Tháng 9/208 – 4/2011	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SX&TM Tâm Việt
Từ tháng 5/2011-06/2013	Phó phòng tài chính kế toán – Công ty CP tập đoàn AUSTDOOR
Từ tháng 7/2013-04/2014	Phó phòng tài chính kế toán – Công ty CP AUSTDOOR Miền bắc
Từ tháng 7/2014-02/2015	Nhân viên phòng tài chính kế toán – Công ty CP VICOSTONE
Từ tháng 3/2015-09/2016	Nhân viên Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Style Stone
Từ tháng 10/2016-12/04/2017	Phó trưởng phòng tài chính kế toán – Công ty CP Style stone
Từ 12/04/2017 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Chế tác đá Việt nam
Chức vụ đảm nhận ở các công ty khác	Không

2.2 Những thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**Hội đồng quản trị**

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
1	Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2018
2	Lưu Công An	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2018
3	Nguyễn Xuân An	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2018
4	Bà Thiều Thị Ngọc Hiền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2018
5	Đỗ Quang Bình	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2018

Tính đến ngày 31/12/2018, Hội đồng quản trị Công ty có 1 thành viên độc lập và 4 thành viên HĐQT không tham gia điều hành.

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Quang Tiến được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty từ ngày 10/03/2018 theo Nghị quyết HĐQT số 06/2018/NQ/STV-HĐQT ngày 09/03/2018

Ban kiểm soát

Ông Phạm Ngọc Đông được bầu là Trưởng ban kiểm soát từ ngày 30/03/2018 (theo Nghị quyết số 01/2018/NQ/STV-ĐHĐCD ngày 30/03/2018 của Đại hội đồng cổ đông năm 2018)

Kế toán trưởng:

Trong năm 2018, không có sự thay đổi về nhân sự

Việc thay đổi nhân sự chủ chốt (Thành viên HĐQT, Ban giám đốc) được Công ty công bố trên Website của Công ty tại địa chỉ: www.stonevietnam.com và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà nội kịp thời, tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật về công bố thông tin.

2.3. Công tác nhân sự và những chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2018 tổng số lao động của Công ty CP Chế tác đá Việt nam có 225 người, trong đó lao động nam là 184 người chiếm 81,78%, lao động nữ 41 người chiếm 18,22%. Nhân sự trẻ ở độ tuổi từ 25-34 chiếm tỷ trọng lớn nhất. Lao động trong Công ty hiện nay thuộc lao động trẻ (độ tuổi dưới 35 chiếm 76%), hầu hết đã được qua đào tạo nghề.

Cơ cấu lao động phân theo trình độ:

TT	Trình độ	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Số lượng người	Tỷ lệ (%)

1	Thạc sỹ	1	0,6	1	0,5		0.00
2	Đại học	40	22,7	41	21,9	42	18,7
3	Cao đẳng và trung cấp	7	3,9	32	17,1	51	22,7
4	Công nhân kỹ thuật	105	59,7	94	50,3	96	42,6
5	Lao động phổ thông	23	13,1	19	10,2	36	16,0
Cộng		176	100,0	185	100,0	225	100,0

Cơ cấu lao động theo độ tuổi

STT	Độ tuổi	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Số lượng người	Tỷ lệ (%)
1	19-24	31	17,6	34	18,4	26	11,6
2	25-34	38	21,6	78	42,2	145	64,4
3	35-44	97	55,1	64	34,6	49	21,8
4	45-54	9	5,1	8	4,3	4	1,8
5	>55	1	0,6	1	0,5	1	0,4
Cộng		176	100%	185	100%	225	100%

Cơ cấu lao động theo phân cấp quản lý

TT	Phân cấp	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Số lượng người	Tỷ lệ (%)
1	Ban lãnh đạo	3	1,7	4	2,2	5	2,2
2	Cán bộ quản lý	3	1,7	4	2,2	6	2,7
3	Nhân viên	170	96,6	177	95,6	214	95,1
Cộng		176	100,0	185	100,0	225	100,0

Nguồn nhân lực trẻ hiện nay của Công ty chính là lợi thế giúp Công ty xây dựng đội ngũ nhân sự kế cận có năng lực, nhiệt huyết làm tiền đề cho sự phát triển dài hạn.

Với số lao động có trình độ qua đào tạo nghề trở lên chiếm 84% tổng số lao động cho thấy chất lượng nguồn nhân lực của Công ty khá tốt, thuận lợi để sử dụng, bố trí và đào tạo nâng cao đáp ứng yêu cầu và mục tiêu chiến lược của Công ty.

Các chế độ chính sách đối với người lao động: luôn luôn được Công ty chú trọng và thực hiện nghiêm túc, thể hiện ở các điểm sau:

- Công ty luôn đảm bảo công việc đều đặn cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân tăng dần theo năm cụ thể:

ĐVT: đồng/người/tháng

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thu nhập của người lao động	10,470,000	12,360,000	14,020,000

- Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca 2, chế độ khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ kịp thời cho người lao động.

- Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.

- Thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV khi có việc hiếu hỷ, ốm đau, tổ chức quyên góp giúp đỡ CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn ...thể hiện tinh thần “lá lành đùm lá rách”.

- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1 Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm năm 2018

- Mua 3 máy cắt nước Water jet
 - Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 4.477.105.097 đồng
 - Nguồn vốn: Vốn tự có của Công ty
 - Mục tiêu đầu tư: tự động hóa, tăng năng suất lao động
 - Thời gian thực hiện: từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 09 năm 2018
 - Tình hình thực hiện: tháng 9/2018 đã hoàn thiện lắp đặt và chuyển giao sản xuất ổn định
- Mua 1 máy cưa đá
 - Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 681.584.161 đồng

- Nguồn vốn: Vốn tự có và vốn vay
- Mục tiêu đầu tư: tự động hóa, tăng năng suất lao động
- Tình hình thực hiện: tháng 9 năm 2018, NCC đã hoàn tất việc chuyển giao, lắp đặt xong
- Mua 01 xe nâng hàng
 - Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 540.000.000 đồng
 - Nguồn vốn: Vốn tự có và vốn vay
 - Mục tiêu đầu tư: tăng cường công tác giao hàng
 - Tình hình thực hiện: tháng 2 năm 2018, NCC đã hoàn tất việc chuyển giao.
- Các dự án và hạng mục đầu tư nhỏ khác

Trong năm 2018, Công ty đã đầu tư, mua sắm máy in Tampor để in tem nhãn cho sản phẩm, cầu trục dầm đơn để đóng hàng,... với tổng mức đầu tư 655,54 triệu đồng

3.2 Các công ty con, công ty liên kết :

Công ty con:

Công ty cổ phần công nghiệp Trần Long

Địa chỉ: Đường số 8, khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh chính: Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá

Tỷ lệ sở hữu: 99,99%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 99,99%

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018		% tăng giảm
			Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	
1	Tổng giá trị tài sản	Tr đồng	264.671	333.491	468.217	636.340	90,81%
2	Tổng doanh thu	Tr đồng	179.201	179.112	261.428	296.087	65,31%
	Trong đó:						
	<i>Doanh thu gia công, chế tác và khác</i>	<i>Tr đồng</i>	178.969	178.969	260.491	296.064	65,43%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	6.645	9.539	10.681	10.691	12,08%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	6.074	8.969	8.749	8.595	-4,17%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm	đồng		1.127		723	-35,85%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	1.000 đ	12.361	11.170	14.020	13.282	18,91%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Công thức tính	Năm 2017		Năm 2018		% thay đổi
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	
1. Các hệ số thanh toán						
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (lần)	Tổng tài sản/tổng nợ phải trả	2,94	2,14	1,64	1,41	-34%
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	2,29	1,68	1,44	1,24	-26,2%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh (lần)	(Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho)/Tổng nợ ngắn hạn	0,32	0,15	0,15	0,09	-37,6%
2. Các hệ số cơ cấu						
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,34	0,47	0,60	0,70	50,7%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,51	0,88	1,56	2,43	176%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	1.092	0.90	0,81	0,56	-37,2%
Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	Doanh thu thuần/Số dư bình quân các khoản phải thu	15.402	42.68	13,38	141,98	232,7%
Vòng quay vốn chủ sở hữu (vòng)	Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu	1.024	1.01	1,42	1,59	58%
Vòng quay tài sản (vòng)	Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	0.833	0.72	0,71	0,61	-15,2%
4. Tỷ suất sinh lời						
Tỷ suất sinh lời trên doanh thu	LNST/ Doanh thu thuần	3.39%	5.01%	3,36%	2,9%	-42%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	LNST/Vốn chủ sở hữu	3.48%	5.05%	4,79%	4,63%	-8,3%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	LNST/Tổng tài sản BQ	2.83%	3.60%	2,39%	1,77%	-50,8%
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng)			1,127		723	-35,8%
Giá trị sổ sách		15.564	15.828	16.363	16.612	4,9%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2017 và 2018)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**5.1 Cổ phần**

Tổng số cổ phần đang lưu hành : **11.000.000** cổ phần

Trong đó : - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : **11.000.000** cổ phần

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : **0** cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 13/03/2018)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Phượng Hoàng xanh A&A	Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, VN	6.658.589	60,53%
Tổng			6.658.589	60,53%

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 13/03/2018)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần VICOSTONE	Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội	0	0%
2	Phạm Minh Hùng	Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	200.000	1,82%
3	Phạm Trí Dũng	Hải Hậu - Nam Định	8.100	0,07%
Tổng			208.100	1,89%

Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 13/03/2018

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sáng lập	208.100	2.081.000.000	1,89%
2	Cổ đông phổ thông khác	10.791.900	107.919.000.000	98,11%

	Tổng	11.000.000	110.000.000.000	100,00%
1	Cổ đông trong nước	10.995.600	109.956.000.000	99,96%
2	Cổ đông nước ngoài	4.400	44.000.000	0,04%
	Tổng	11.000.000	110.000.000.000	100,00%
1	Cổ đông pháp nhân	6.660.989	66.609.890.000	60,55%
2	Cổ đông thể nhân	4.339.011	43.390.110.000	39,45%
	Tổng	11.000.000	110.000.000.000	100,00%
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông khác	11.000.000	110.000.000.000	100,00%
	Tổng	11.000.000	110.000.000.000	100,00%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Vốn góp của cổ đông	Tỷ đồng	65,1275	65,1275	65,1275	110,000	110,000

Tính đến 31/12/2018, tổng số cổ phần đang lưu hành trên thị trường là: 11.000.000 (Mười một triệu) cổ phiếu

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2018

1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018		Tăng trưởng (+,-%)
			Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	
1	Tổng tài sản	Tr.đồng	264.670	333.490	468.217	636.340	190,81%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	174.717	177.615	182.794	185.538	1,50%
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tr.đồng	110.000	110.000	110.000	110.000	
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	179.201	179.112	261.427	296.087	65,31%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	6.645	9.539	10.680	10.691	12,08%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.074	8.969	8.749	8.595	-4,17%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,48%	5,05%	4,79%	4,63%	-8,27%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	2,29%	3,60%	1,87%	1,35%	-62,48%

8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu lưu hành bình quân (EPS)	VNĐ		1.127		723	-35,85%
9	Lao động và tiền lương						
9.1	Lao động có đến cuối kỳ báo cáo	Người	185	208	225	294	41,35%
9.2	Thu nhập bình quân người/tháng	1.000đ	12.360	11.170	14.020	13.282	18,91%

(Nguồn: Báo cáo đã kiểm toán năm 2017, 2018)

Trong năm 2018 Ban Giám đốc Công ty chú trọng đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, luôn tìm kiếm các giải pháp nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh; kiểm soát và tiết giảm chi phí, tăng cường hoạt động đầu tư và phát triển nguồn nhân lực. Doanh thu năm 2018 đạt 260,49 tỷ đồng tăng 45,55% so với năm 2017 (tương ứng 81,5 tỷ đồng), doanh thu hợp nhất tăng 65,31% so với năm 2017 tương ứng 117,1 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế năm 2018 của công ty mẹ đạt 8,969 tỷ đồng tăng 44,04% so với năm 2017, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 8,59 tỷ đồng giảm 4,17% so với năm 2017 là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 45,55% ~ 81,52 tỷ đồng so với năm 2017 chủ yếu do đơn hàng Cut to size tăng mạnh. Doanh thu cut to size tăng 260,1% tương ứng 75,1 tỷ đồng so với năm 2017. Cơ cấu doanh thu giữa các dòng sản phẩm của STV như sau:

TT	Doanh thu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ %
1	Doanh thu Cut to size	28,881,922,732	104,006,626,130	260.11%
2	Doanh thu mẫu+binder	90,568,023,243	81,016,215,960	-10.55%
3	Doanh thu Dự án, khách lẻ	55,409,545,299	69,222,013,034	24.93%
4	Doanh thu khác	4,110,215,667	6,245,977,941	51.96%
	Cộng	178,969,706,941	260,490,833,065	45.55%

- Tỷ lệ giá vốn trên doanh thu năm 2018 là 90,3%, năm 2017 là 88,61%, là do tỷ trọng của hàng cut to size chiếm phần lớn trong tổng doanh thu, phôi dư thừa của hàng cut to size và dự án không tận dụng được để cắt cho hàng mẫu làm giảm tỷ lệ thu hồi phôi, làm tăng chi phí nguyên vật liệu.

- Chi phí tiền lương cho người lao động tăng. Tổng quỹ tiền lương trong năm 2018 cho người lao động là 37.299.813.430 đồng, năm 2017 là: 25.410.524.126 đồng, tăng so với năm 2017 là: 11.889.289.304 đồng. Do số công nhân lao động liên tục tăng đồng thời tăng cường cấp lãnh đạo vào cán bộ quản lý để nâng cao hiệu quả quản trị Công ty (trong năm Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm thêm 1 Phó giám đốc và 3 cán bộ quản lý).

- Năm 2018 công ty con là Công ty CP công nghiệp Trần Long đã có doanh thu, tuy nhiên hiệu quả hoạt động chưa cao. Công ty đã phải trích lập dự phòng bổ sung số lỗ của Công ty con là: 1.095.114.298 đồng theo hướng dẫn của thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07/12/2009. Do đó lợi nhuận sau thuế hợp nhất giảm 374 triệu đồng.

2. Phân tích tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán hiện hành.

❖ Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	54.851.865.780	29.151.381.803	25.700.483.977
	Máy móc thiết bị	37.196.029.816	18.644.111.672	18.551.918.144
	Phương tiện vận tải	6.928.573.857	3.592.576.343	3.335.997.514
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	519.334.128	291.152.574	228.181.554
	Tài sản khác	458.840.000	105.547.560	353.292.440
II	Tài sản cố định vô hình			
	Phần mềm máy tính	3,572,286,800	773.995.473	2.798.291.327

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018)

❖ Trích khấu hao TSCĐ

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình. TSCĐ được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 11
Máy móc thiết bị	05 - 11
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Phần mềm máy tính	05

❖ **Vốn điều lệ và vốn kinh doanh**

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017 (Hợp nhất)	31/12/2018 (Hợp nhất)
Vốn điều lệ	65.127.500.000	65.127.500.000	110.000.000.000	110.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	108.282.571.036	124.814.690.867	177.615.449.242	185.538.484.950

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các khoản nợ phải trả, không có khoản nợ quá hạn trên một năm.

❖ **Các khoản phải thu**

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung	31/12/2017 (Hợp nhất)	31/12/2018 (Hợp nhất)	Chênh lệch
1	Phải thu của khách hàng	4.903.756.908	4.550.825.735	(352.931.173)
2	Trả trước cho người bán	1.445.329.268	480.174.511	(965.154.757)
3	Các khoản phải thu khác	312.256.687	361.823.905	49.567.218
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.132.896.473)	(3.750.964.535)	(381.931.938)
	Tổng cộng	2.528.446.390	1.641.859.616	(886.586.774)

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2017 và 2018)

Các khoản phải thu giảm chủ yếu là khoản trả trước cho người bán đã giảm mạnh ~ 965 triệu đồng và khoản phải thu khách hàng khó đòi 381 triệu đồng.

❖ **Các khoản phải trả**

Đơn vị tính: Đồng

T	Nội dung	31/12/2017 (Hợp nhất)	31/12/2018 (Hợp nhất)
I	Nợ ngắn hạn	155.875.205.336	450.638.042.478
1	Phải trả người bán	112.821.524.242	403.623.670.459
2	Người mua trả tiền trước	44.099.000	69.387.920
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	99.459.400	183.134.193
4	Phải trả người lao động	4.108.885.503	5.928.582.287
5	Chi phí phải trả	44.000.000	70.000.000
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.079.117.212	3.197.479.198
7	Vay ngắn hạn	37.000.000.000	37.000.000.000

8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	678.119.979	565.788.421
II	Nợ dài hạn		
1	Thuế TN hoãn lại phải trả		164.267.145
	Tổng cộng	155.875.205.336	450.802.309.623

(Nguồn Báo cáo kiểm toán năm 2017 và 2018)

Biến động nợ phải trả như sau:

- Nợ ngắn hạn:

Phải trả người bán ngắn hạn tăng:	290.802.146.217
Người mua trả tiền trước tăng:	25.288.920
Thuế và các khoản phải nộp NN tăng	83.674.793
Phải trả người lao động tăng	1.819.696.784
Phải trả ngắn hạn khác tăng	2.118.361.986
Quỹ khen thưởng phúc lợi giảm	(112.331.558)

Khoản phải trả tăng chủ yếu là khoản phải trả người bán do mua dự phòng phôi đá tấm phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

❖ **Tình hình dư nợ vay tại ngày 31/12/2018:**

Tổng dư nợ vay đến 31/12/2018 là: 37.000.000.000 đồng. Đây là khoản vay ngắn hạn Công ty vay của Công ty mẹ là Công ty cổ phần tập đoàn Phụng hoàng xanh A&A với thời gian vay: 11 tháng và lãi suất vay là 6%/năm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nắm bắt cơ hội của ngành chế tác, trong năm Công ty đã đầu tư thêm thiết bị máy móc hiện đại, tự động hoá trong sản xuất, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, đa dạng về chủng loại để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu hàng Cut to size.

Công ty đã duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý đồng thời phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng của nhân viên, tập trung vào sản xuất, phát huy hết công suất máy móc để nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong tương lai Công ty sẽ từng bước chuyên nghiệp hóa quá trình sản xuất một cách khoa học và nghiêm túc để đảm bảo chất lượng ổn định theo tiêu chuẩn để trở thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực gia công, chế tác đá thạch anh cao cấp mang thương hiệu Vicostone, với các nhiệm vụ sau:

- Kiện toàn hệ thống sản xuất, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao hoạt động của các máy móc thiết bị, đảm bảo sản xuất liên tục và an toàn

- Tạo ra nhiều mẫu mã sản phẩm mới tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường;
- Hoàn thiện và chuyên nghiệp hóa quy trình thi công lắp đặt và bảo hành dịch vụ sau bán hàng.
- Quản lý tốt chất lượng vật tư đầu vào và thành phẩm đầu ra
- Phát triển nguồn nhân lực;
- Chăm lo đời sống của người lao động về vật chất và tinh thần;
- Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi phí có hiệu quả, tiết giảm tối đa chi phí tiêu hao nguyên vật liệu.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2018, thông qua Ban Giám đốc, các báo cáo của các bộ phận liên quan, Hội đồng quản trị đã kịp thời nắm bắt thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh, nhân sự,..để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp. Duy trì giám sát chặt chẽ công tác điều hành của Ban giám đốc, cụ thể một số hoạt động của HĐQT như sau:

➤ **Chỉ đạo công tác đầu tư**

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu sản lượng tăng lên của các đơn hàng Cut to size, HĐQT đã chỉ đạo đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa giúp tăng năng suất lao động, đáp ứng những đơn hàng đòi hỏi độ chế tác khó và tính thẩm mỹ cao: Công ty đã đầu tư 3 máy cắt nước Water Jet, 1 máy cắt CNC và 2 Xe nâng hàng.

➤ **Chỉ đạo công tác nhân sự và phát triển nguồn nhân lực, chăm lo đời sống người lao động**

Năm 2018, Hội đồng quản trị đã phối hợp cùng Ban lãnh đạo Công ty đánh giá, kiện toàn đội ngũ nhân sự cấp cao và cấp trung. Bổ nhiệm 1 Phó Giám đốc Công ty, 2 Phó Quản đốc phân xưởng và 1 Phó phòng Kinh doanh vật tư, phát triển đội ngũ nhân sự kế cận để phục vụ cho công tác mở rộng, phát triển công ty trong thời gian tới.

Thống kê sự thay đổi của nhân sự toàn Công ty năm 2018 như sau:

TT	Chức danh	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm	Các Phòng Ban				
						TCH C	TC KT	KD-VT	PXS X	P.QL CL
1	Ban lãnh đạo	4	2	1	5	4	1			
2	Trưởng phòng, Quản đốc PX	2	2	2	2			1	1	
3	Phó phòng	2	3	1	4	1		1	2	
4	Thạc sỹ	1		1						
5	Kỹ sư	14	4	2	16	1		3	10	2

6	Cử nhân	19	3	4	18	3	4	8	2	1
7	CD, TC, SC	32	38	19	51	2		10	36	3
8	Công nhân trực tiếp	110	49	38	121			14	89	10
9	Công nhân gián tiếp	6	2	0	8	6			2	
Tổng hợp		190	103	68	225	17	5	37	152	16

- Năm 2018 việc nâng cao thu nhập chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động được HĐQT đặt lên hàng đầu. HĐQT đã chỉ đạo Ban lãnh đạo công ty duy trì và nâng cao đời sống của CBCNV Công ty. Thu nhập bình quân năm 2018 đạt 14.020.000 đồng/người/tháng, tăng 13,43% so với năm 2017 (12.360.000đồng/người/tháng).

- Các chế độ, chính sách đối với người lao động luôn được Công ty thực hiện nghiêm túc, kịp thời. Công ty thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, kịp thời cho 100% người lao động.

- Khuyến khích động viên kịp thời cho CBCNV đạt các thành tích và danh hiệu thi đua định kỳ cũng như đột xuất cho các cá nhân, công nhân đạt năng suất lao động cao. Tiền thưởng thi đua và thưởng năng suất đã chi trong năm là: 494.326.536 đồng.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, nghỉ mát,... cho CBCNV theo định kỳ, kịp thời động viên về tinh thần cũng như khuyến khích người lao động nâng cao thể lực, sức khỏe cho bản thân.

➤ **Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018:**

Nội dung của Đại hội gồm:

- Phê chuẩn Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động năm 2017
- Phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
- Phê chuẩn Báo cáo thường niên năm 2017
- Phê chuẩn Báo cáo của Ban kiểm soát về thẩm định kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2017
- Phê chuẩn báo cáo kiểm toán năm 2017, lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018
- Phê chuẩn phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2018
- Phê chuẩn việc sửa đổi điều lệ của Công ty
- Phê chuẩn Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty
- Phê chuẩn kết quả bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023
- Phê chuẩn kết quả bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023

2. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo mục tiêu của Hội đồng quản trị đưa ra là phát triển bền vững, từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh và đạt được hiệu quả cao.

Hoạt động giám sát của HĐQT được thể hiện bằng kết quả như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh: Chỉ đạo Ban giám đốc ứng phó kịp thời với các biến động của thị trường, kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh đi đúng mục tiêu đặt ra. Chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện dự án đầu tư của công ty như: Dự án lắp đặt và vận hành máy cắt nước Water Jet đúng tiến độ.

- Đối với công tác Quan hệ cổ đông:

Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 diễn ra vào ngày 30/03/2018. Chỉ đạo công bố thông tin đảm bảo tuân thủ pháp luật, minh bạch, chính xác, kịp thời đến Quý cổ đông và các nhà đầu tư.

- Đối với công tác quản trị doanh nghiệp: Chỉ đạo, giám sát xuyên suốt các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trọng tâm chủ yếu vào việc đẩy mạnh sản xuất đáp ứng tiến độ giao hàng, cắt giảm chi phí nâng cao hiệu quả sản xuất.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2019 như sau:

(ĐVT: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018		KH năm 2019		Tăng trưởng năm 2019 so với năm 2018 (%)	
			Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	261.43	296.08	392.838	463.835	50,27%	56,67%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10.681	10.691	13,808	11.591	29.28%	9,38%

Để hoàn thành các mục tiêu trên cần sự cố gắng, nỗ lực rất lớn từ Ban lãnh đạo đến toàn thể CBCNV trong Công ty, cụ thể chú trọng vào các nhiệm vụ chính sau:

✓ Tập trung nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng tiến độ giao hàng

- Không ngừng nghiên cứu cải tiến, nâng cao kỹ năng chế tác và tăng cường sự kiểm tra, kiểm soát để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao và ổn định thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng
- Tính toán chi phí hợp lý, nâng cao năng suất lao động để tạo sự ra sự cạnh tranh

về giá.

- Đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại đảm bảo chế tác được các sản phẩm có chất lượng cao
- Triển khai sản xuất khẩn trương, đúng tiến độ khi nhận được đơn hàng.
- Kiện toàn các phân xưởng sản xuất để tăng năng suất lao động.
- Thực hiện tốt các dịch vụ lắp đặt và bảo hành sau bán hàng. Thỏa mãn 100% nhu cầu của khách hàng.

✓ **Phát triển nguồn nhân lực**

- Tiếp tục tuyển dụng nhân công có chất lượng cao phục vụ trước mắt và lâu dài
- Điều chỉnh, bố trí nhân lực phù hợp năng lực.
- Đào tạo nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và phục vụ cho chiến lược phát triển công ty.
- Tuân thủ hệ thống tiêu chuẩn như : hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000, hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp, hệ thống SA8000 và biến chúng thành công cụ hữu hiệu phục vụ cho việc quản lý và điều hành Công ty.

✓ **Chăm lo đời sống của người lao động về vật chất và tinh thần**

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh, nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc.
- Trả lương và có chính sách đãi ngộ tương xứng với cống hiến.

✓ **Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi phí hiệu quả**

- Duy trì báo cáo chỉ tiêu tiết giảm chi phí, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện, phân tích nguyên nhân và tìm biện pháp để đạt được mục tiêu đề ra. Các báo cáo này giúp cho Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo ra quyết định điều hành sản xuất nhanh, hợp lý đảm bảo tiết kiệm chi phí.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị của Công ty

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, trong đó có 04 thành viên không tham gia điều hành, chi tiết như sau:

- | | |
|---------------------------|---|
| 1. Ông Phạm Anh Tuấn | : Chủ tịch HĐQT (thành viên không điều hành) |
| 2. Ông Lưu Công An | : Ủy viên HĐQT (Giám đốc) |
| 3. Bà Thiều Thị Ngọc Hiền | : Ủy viên HĐQT (thành viên độc lập không điều hành) |

4. Ông Đỗ Quang Bình : Ủy viên HĐQT (thành viên không điều hành)
 5. Ông Nguyễn Xuân An : Ủy viên HĐQT (thành viên không điều hành)

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT

Ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh	12/09/1981
Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ vật liệu cao phân tử và tổ hợp
Quá trình công tác	
Từ tháng 07/2005-10/2006	Trưởng phòng công nghệ - CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 10/2006-06/2009	Trưởng phòng công nghệ - chất lượng CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 07/2009-03/2013	Giám đốc Trung tâm R&D CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 03/2013-10/2014	Giám đốc nhà máy sản xuất số 2 kiêm Giám đốc Trung tâm R&D CTCP Vicostone
Từ ngày 14/10/2014 -14/12/2016	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vicostone
Từ 15/12/2016- 20/04/2017	Ủy viên HĐQT –Tổng Giám đốc CTCP Vicostone
Từ 20/04/2017 – đến nay	Ủy viên HĐQT –Tổng Giám đốc CTCP Vicostone Chủ tịch HĐQT CTCP Chế tác đá Việt nam
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT CTCP Chế tác đá Việt nam
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A Ủy viên HĐQT –Tổng Giám đốc CTCP Vicostone

Ông Lưu Công An - Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty- Đã được trình bày ở phần II mục 2.1 Danh sách Ban điều hành Công ty.

Ông Đỗ Quang Bình - Ủy viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	13/01/1981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật
Quá trình công tác	
Từ tháng 03/2010 - 11/2011	Trưởng phòng Pháp chế - Đối ngoại CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 11/2011 - 18/09/2013	Giám đốc Ban Pháp chế - Đối ngoại CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex

Từ tháng 09/2013 - 08/2015	Giám đốc Ban pháp chế kiêm Trưởng phòng Quản trị Rủi ro CTCP Vicostone
Từ tháng 08/2015 – 03/2016	Trưởng phòng Pháp chế CTCP đá thạch anh cao cấp VCS
Từ tháng 03/2016 đến nay	- Trưởng phòng Pháp chế CTCP đá thạch anh cao cấp VCS - Chánh văn phòng CTCP tập đoàn Phụng Hoàng xanh A&A
Chức vụ hiện nay tại công ty	Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các Công ty khác	- Chánh văn phòng CTCP tập đoàn Phụng Hoàng xanh A&A - Trưởng phòng pháp chế Công ty cổ phần VICOSTONE - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Style Stone

Ông Nguyễn Xuân An - Ủy viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh	06/08/1974
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
Từ tháng 05/2005 - 03/2006	Chuyên viên tư vấn kế toán thuế- Công ty TNHH đào tạo tư vấn về quản lý và đầu tư
Từ tháng 03/2006 – 08/2006	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 09/2006 - 10/2007	Phó phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 10/2007 - 08/2009	Kế toán Trưởng Công ty Liên doanh Style Stone
Từ tháng 08/2009 – 03/2015	Phó Giám đốc – Kế toán trưởng Công ty CP Style Stone
Từ tháng 03/2015 đến nay	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Kế toán trưởng Công ty CP Style Stone
Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các Công ty khác	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Kế toán trưởng Công ty CP Style Stone

Bà Thiệu Thị Ngọc Hiền - Ủy viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh	17/07/1988
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán tổng hợp
Quá trình công tác	
Từ 2010 - 2014	Kế toán viên, Phó phòng Tài chính Công ty cổ phần STYLE STONE
Từ 2014 – Nay	Trợ lý Giám đốc Xí nghiệp may tư doanh Tuần kỳ - DNTN
Chức vụ hiện nay	Trợ lý Giám đốc

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không có**1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham gia thảo luận bàn bạc các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, Fax, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát của HĐQT với Ban Giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Giám đốc gửi các thành viên hàng tuần.

Tỷ lệ tham dự họp của các thành viên hội đồng quản trị trong năm 2018:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Số buổi họp HĐQT vắng mặt	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	12	0	100,0%	
2	Ông Nguyễn Hữu Chương	Ủy viên HĐQT	06	0	50,0%	Miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 30/03/2018
3	Ông Ninh Quốc Cường	Ủy viên HĐQT	06	0	50,0%	Miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 30/03/2018
4	Ông Nguyễn Xuân An	Ủy viên HĐQT	12	0	100,0%	
5	Ông Đỗ Quang Bình	Ủy viên HĐQT	12	0	100%	

6	Bà Thiều Thị Ngọc Hiền	Ủy viên HĐQT	06	0	50.0%	Bổ nhiệm thành viên HĐQT ngày 30/03/2018
7	Ông Lưu Công An	Ủy viên HĐQT	06	0	50.0%	Bổ nhiệm thành viên HĐQT ngày 30/03/2018

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị :

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ/STV-HĐQT	15/01/2018	Thông qua các giao dịch năm 2018 về việc mua bán hàng hóa/ dịch vụ giữa Công ty và Công ty cổ phần Phụng Hoàng xanh A&A, Công ty CP Vicostone, CTCP Style Stone, CTCP công nghiệp Trần Long
2	02/2018/NQ/STV-HĐQT	08/02/2018	Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
3	03/2018/NQ/STV-HĐQT	09/02/2018	Thưởng Ban điều hành năm 2017
4	04/2018/NQ/STV-HĐQT	21/02/2018	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
5	06/2018/NQ/STV-HĐQT	09/03/2018	Bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam
6	07/2018/NQ/STV-HĐQT	19/03/2018	Quyết định thời gian tổ chức và thông qua hồ sơ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
7	08/2018/NQ/STV-HĐQT	30/03/2018	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam nhiệm kỳ 2018-2023
8	08A/2018/NQ/STV-HĐQT	30/03/2018	Sửa đổi Quy chế phân phối tiền lương của Công ty CP chế tác đá Việt Nam
9	09/2018/NQ/STV-HĐQT	10/04/2018	Bổ nhiệm cán bộ quản lý của Công ty CP chế tác đá Việt Nam
10	10/2018/NQ/STV-HĐQT	31/05/2018	Bổ nhiệm cán bộ quản lý của Công ty CP chế tác đá Việt Nam
11	11/2018/NQ/STV-HĐQT	28/07/2018	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty
12	12/2018/NQ/STV-HĐQT	25/09/2018	Thông qua việc giải tỏa số cổ phiếu bị hạn chế chuyên nhượng.

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Hiện tại trong Hội đồng quản trị có 04 thành viên độc lập, không điều hành là Ông Phạm Anh Tuấn; Ông Đỗ Quang Bình và Ông Nguyễn Xuân An và Bà Thiều Thị Ngọc Hiền đều là những người có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh, lĩnh vực về luật, lĩnh vực tài chính và lĩnh vực sản xuất. Các thành viên HĐQT độc lập và không điều hành Công ty đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược và kế hoạch hoạt động của Công ty.

1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị : Không có

2. Ban kiểm soát của Công ty

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty CP chế tác đá Vietnam đến ngày 31/12/2018 có 03 thành viên.

Danh sách như sau:

- | | | |
|---------------------------|--------------------------|------------------------------|
| 1. Ông Phạm Ngọc Đông: | Trưởng Ban kiểm soát | Bổ nhiệm ngày 30/03/2018 |
| 2. Bà Nguyễn Phương Thúy: | Thành viên Ban kiểm soát | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2018 |
| 3. Bà Trần Lan Phương: | Thành viên Ban kiểm soát | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2018 |

Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát:

Ông Phạm Ngọc Đông – Trưởng ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	22/04/1968
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
Quá trình công tác	
Từ 04/2017- 01/2009	Nhân viên Phòng tài chính – Kế toán Công ty cổ phần đá ốp lát cao cấp Vinaconex (nay là Công ty CP Vicostone)
Từ 02/2009 – 02/2009	Nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty CP Style Stone
Từ 03/2009 – 03/2018	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Stele Stone
Từ 30/03/2018 – Nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
Chức vụ đảm nhận ở các Công ty khác	Không

Bà Nguyễn Phương Thúy – Thành viên ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	28/12/1981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	

Từ 01/2017 02/10/2017	Nhân viên Phòng tài chính – Kế toán Công ty cổ phần VICOSTONE. Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP chẻ stacs đá Việt Nam
Từ 02/10/2017 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt nam
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
Chức vụ đảm nhận ở các Công ty khác	Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP VICOSTONE

Bà Trần Lan Phương – Thành viên ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	04/10/1988
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật, cử nhân tài chính ngân hàng
Quá trình công tác	
<i>Từ tháng 03/2010- 11/2010</i>	Nhân viên tư vấn CTCP Đào tạo ứng dụng Aprotrain
<i>Từ tháng 11/2010-03/2013</i>	Nhân viên Ban pháp chế đối ngoại – Công ty CP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX
<i>Từ tháng 03/2013-10/2014</i>	Phó chánh văn phòng, Trưởng ban thư ký Công ty CP VICOSTONE, Thành viên Ban kiểm soát CTCP Chế tác đá Việt nam
<i>Từ tháng 10/2014-08/2015</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam - Chánh văn phòng CPCT Phượng Hoàng Xanh A&A - Trợ lý Tổng giám đốc Công ty CP VICOSTONE - Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Tư vấn quản lý dự án VPM Hà Nội
<i>Từ tháng 8/2015 đến nay</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP VICOSTONE - Giám đốc Ban nhân lực Công ty CP tập đoàn Phượng Hoàng xanh A&A - Ủy viên HĐQT CTCP tư vấn thiết kế Sitetech Toàn cầu - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Tư vấn quản lý dự án VPM Hà Nội
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận ở các công ty khác	<ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc Ban nhân lực Công ty CP tập đoàn Phượng hoàng xanh A&A - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP CP Vicostone - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP tư vấn quản lý dự án VPM - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP tư vấn thiết kế Sitetech Toàn cầu

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện một số hoạt động chính trong năm 2018, cụ thể:

- Thực hiện giám sát các hoạt động, tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.

- Thực hiện các đợt làm việc để xem xét kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của hệ thống kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát Công ty thường xuyên, liên tục kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty nhằm giúp công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

TT	Số Biên bản họp	Ngày	Nội dung
1	01/2018/BB-BKS	30/03/2018	Bầu trưởng Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023
2	02/2018BB/STV-BKS	31/07/2018	Họp thẩm định báo cáo 6 tháng đầu năm 2018
3	03/2018/BB-BKS	28/12/2018	Họp tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

2.3 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty năm 2018

- Tình hình tài chính năm 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Tr.đồng	468.217	636.340
1.1	Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	411.720	558.929
1.2	Tài sản dài hạn	Tr.đồng	56.497	77.411
2	Nguồn vốn	Tr.đồng	648.217	636.340
2.1	Nợ phải trả	Tr.đồng	285.423	450.802
2.2	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	182.794	185.538

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Số hợp nhất
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	261.428	296.087
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.680	10.691
3	Thu nhập bình quân	1.000đ	14.020	13.282

- Công tác tài chính kế toán

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước như nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân, không để xảy ra tình trạng nợ, đọng thuế.

Chấp hành nghiêm chỉnh các Quy định của pháp luật trong công tác hạch toán kế toán. Hoàn thành báo cáo tài chính và thực hiện chế độ công bố thông tin đúng thời hạn quy định.

2.4. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2018, HĐQT đã thực hiện những công việc chính sau:

Hội đồng quản trị đã duy trì các cuộc họp định kỳ và đột xuất bằng các hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT. Trong năm tất cả các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp HĐQT đầy đủ.

Trong năm 2018, HĐQT đã ban hành 12 Nghị quyết để quản lý hoạt động của Công ty. HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các quyết định đã ban hành. HĐQT đã chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho Giám đốc, Ban kiểm soát công ty thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định.

Kết luận: Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2018 phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty. Các nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và công ty.

2.5. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc

Trong năm 2018, Ban Giám đốc đã luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao. Ban Giám đốc đã đánh giá đầy đủ những thuận lợi và khó khăn, thường xuyên thực hiện công tác quản trị rủi ro để phòng ngừa thiệt hại và dự báo để đón đầu cơ hội. Đồng thời tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Công ty. Huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực về vốn, tài sản và lao động, nâng cao năng lực của bộ máy quản lý giúp tiết giảm chi phí. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc thường xuyên họp và báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và đề xuất ý kiến với HĐQT. Thực hiện công bố thông tin công ty kịp thời, đúng thời gian quy định.

2.6. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc

Thông qua việc tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và ban giám đốc, Ban kiểm soát đã giám sát việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty, đồng thời đóng góp ý kiến cho HĐQT và Ban Giám đốc trong điều hành sản xuất và kinh doanh, cũng như việc đầu tư mới.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin về hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc, các số liệu về sản xuất kinh doanh cũng như các số liệu về sử dụng các nguồn vốn.

HĐQT, Ban giám đốc đã hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất để Ban kiểm soát có thể hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, HĐQT và Ban kiểm soát Công ty đã cùng phối hợp, xây dựng mối quan hệ với cổ đông, thực hiện công bố thông tin của Công ty niêm yết theo đúng quy định.

2.7. Kiến nghị của Ban kiểm soát

Phát huy kết quả đạt được năm 2018, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu năm 2019, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh công ty, ban kiểm soát kiến nghị một số việc sau:

+ Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đưa ra các chính sách đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và cảnh báo rủi ro, tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh.

+ Tăng cường nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh trên cơ sở đầu tư có hiệu quả máy móc thiết bị, tinh gọn bộ máy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

+ Không ngừng nâng cao công tác quản trị điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh, đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty và các cổ đông.

+ Lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả.

+ Chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, điều lệ công ty.

+ Đẩy mạnh công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu phát triển của Công ty. Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa, hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

+ Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, duy trì sự đồng thuận cao thông qua việc tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

2.8. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019

- Rà soát lại công tác phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát, điều chỉnh phân công công việc cho phù hợp.

- Duy trì công tác kiểm soát thường, định kỳ theo đúng quy định của pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, lấy ngăn chặn phòng ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật

- Kiểm tra giám sát báo cáo bán niên, Báo cáo tài chính, giám sát các hoạt động, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, bán điều hành công ty theo chương trình kế hoạch xây dựng từ đầu năm, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

- Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ của các thành viên Ban kiểm soát, tăng cường việc hỗ trợ công nghệ thông tin cho hoạt động giám sát, kiểm toán.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

3.1 Thù lao, các khoản lợi ích

STT	HỌ VÀ TÊN	Thu nhập từ thù lao	Thu nhập từ tiền lương	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị	195.000.000	775.291.727	970.291.727
1	Phạm Anh Tuấn	45.000.000		45.000.000
2	Lưu Công An	22.500.000		22.500.000
3	Ninh Quốc Cường	15.000.000	775.291.727	790.291.727
4	Nguyễn Xuân An	37.500.000		37.500.000
5	Thiều Thị Ngọc Hiền	22.500.000		22.500.000
6	Đỗ Quang Bình	37.500.000		37.500.000
7	Nguyễn Hữu Chương	15.000.000		15.000.000
II	Ban kiểm soát	85.500.000	440.370.052	525.870.052
8	Phạm Ngọc Đông	22.500.000	336.008.120	358.508.120
9	Nguyễn Phương Thúy	33.000.000	104.361.932	137.361.932
10	Trần Lan Phương	30.000.000		30.000.000
III	Tổng cộng (I+II)	280.500.000	1.215.661.779	1.496.161.779

3.2 *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*: không phát sinh

3.3 *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ* : không có

3.4 *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*

Việc quản trị Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM ANH TUẤN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 35

PH. M.S.C.N.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Stone Việt Nam”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký doanh nghiệp số 0500555916, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được 11 lần cấp bổ sung các Giấy phép về thay đổi mã số doanh nghiệp, thay đổi danh sách cổ đông sáng lập, thay đổi vốn điều lệ và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 0243 601 860
Fax : 0243 688 305
E-mail : stonevietnam@gmail.com
Mã số thuế : 0 5 0 0 5 5 9 1 6

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư phát triển nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Khai thác chế biến các loại khoáng sản;
- Chuyên giao công nghệ;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí : cầu lông, bóng bàn, bi a, tennis (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Mua bán rượu, bia, thuốc lá, đồ mỹ nghệ, đồ giải khát, đồ gia dụng, điện, điện tử, điện lạnh;
- Mua bán sửa chữa thiết bị, linh kiện, phương tiện giao thông vận tải;
- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành dệt, may mặc, đồ da;
- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành cơ khí, xây dựng;
- Sản xuất, mua bán hàng dệt, may mặc, đồ da, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất mua bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y)
- Sản xuất, chế biến, mua bán gỗ và đồ gỗ (trừ loại gỗ nhà nước cấm);
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm trang trí nội, ngoại thất
- Sản xuất, gia công, mua bán phôi thép, thép các loại;
- Sản xuất mua bán sơn, khóa, bản lề, cửa, đồ sành sứ, thủy tinh, pha lê, thiết bị vệ sinh, hàng cơ khí;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Ông Lưu Công An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Ông Đỗ Quang Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân An	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Bà Thiều Thị Ngọc Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Ngọc Đông	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Bà Nguyễn Phương Thúy	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Bà Nguyễn Phương Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Bà Trần Lan Phương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lưu Công An	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 9 năm 2016
Ông Ninh Quốc Cường	Phó giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2009
Ông Đỗ Quang Tiến	Phó giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Anh Tuấn - Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018).

Ông Phạm Anh Tuấn đã ủy quyền cho Ông Lưu Công An – Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy ủy quyền số 20/04/UQ/STV ngày 20 tháng 4 năm 2017.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Stone Việt Nam trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Stone Việt Nam có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Stone Việt Nam sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Stone Việt Nam với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Stone Việt Nam và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Stone Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lưu Công An
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2019

Số: 2.0096/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Stone Việt Nam”), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2019, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Stone Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 09 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2019-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2014-008-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		558.929.111.975	261.122.942.273
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	906.926.442	4.593.671.928
1. Tiền	111		906.926.442	4.593.671.928
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.641.859.616	2.528.446.390
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.550.825.735	4.903.756.908
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	480.174.511	1.445.329.268
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	361.823.905	312.256.687
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.750.964.535)	(4.132.896.473)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		516.727.849.630	237.368.643.139
1. Hàng tồn kho	141	V.6	516.727.849.630	237.368.643.139
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.152.476.287	16.632.180.816
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	181.870.640	252.625.150
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.970.605.647	16.198.790.082
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	180.765.584
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		77.411.682.598	72.367.712.305
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		50.968.164.956	29.495.088.263
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	48.169.873.629	25.982.339.576
<i>Nguyên giá</i>	222		99.954.643.581	63.760.329.427
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(51.784.769.952)	(37.777.989.851)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.798.291.327	3.512.748.687
<i>Nguyên giá</i>	228		3.572.286.800	3.572.286.800
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(773.995.473)	(59.538.113)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	-	4.883.841.991
<i>Nguyên giá</i>	231		-	11.149.247.084
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	(6.265.405.093)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		791.766.374	11.536.117.556
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	791.766.374	11.536.117.556
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		25.651.751.268	26.452.664.495
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	25.651.751.268	26.452.664.495
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		636.340.794.573	333.490.654.578

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		450.802.309.623	155.875.205.336
I. Nợ ngắn hạn	310		450.638.042.478	155.875.205.336
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	403.623.670.459	112.821.524.242
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		69.387.920	44.099.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	183.134.193	99.459.400
4. Phải trả người lao động	314		5.928.582.287	4.108.885.503
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		70.000.000	44.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	3.197.479.198	1.079.117.212
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	37.000.000.000	37.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	565.788.421	678.119.979
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		164.267.145	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.17	164.267.145	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		185.538.484.950	177.615.449.242
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	185.538.484.950	177.615.449.242
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		110.000.000.000	110.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110.000.000.000	110.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(176.913.636)	(176.913.636)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.370.459.308	14.886.019.271
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.342.090.717	52.903.385.535
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		51.746.237.056	43.933.939.642
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.595.853.661	8.969.445.893
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.848.561	2.958.072
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		636.340.794.573	333.490.654.578

Người lập biểu



Phạm Thị Duyên

Kế toán trưởng



Cao Hoàng Lan

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019



Giám đốc



Lưu Công An

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	296.064.382.713	178.969.706.941
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		296.064.382.713	178.969.706.941
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	267.376.719.079	158.708.685.151
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.687.663.634	20.261.021.790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	23.495.859	142.418.194
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.235.743.635	598.374.499
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.232.833.333	598.166.666
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.098.417.676	1.428.094.767
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.651.827.945	8.887.779.546
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.725.170.237	9.489.191.172
12. Thu nhập khác	31	VI.7	46.962.048	57.929.060
13. Chi phí khác	32	VI.8	80.728.641	7.287.502
14. Lợi nhuận khác	40		(33.766.593)	50.641.558
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.691.403.644	9.539.832.730
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1.931.392.349	570.428.765
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	164.267.145	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>8.595.744.150</u>	<u>8.969.403.965</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>8.595.853.661</u>	<u>8.969.445.893</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>(109.511)</u>	<u>(41.928)</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>723</u>	<u>1.127</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>723</u>	<u>1.127</u>

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Phạm Thị Duyên

Cao Hoàng Lan



Giám đốc

Luu Công An

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.691.403.644	9.539.832.730
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.455.832.368	6.187.362.733
- Các khoản dự phòng	03	(381.931.938)	245.189.988
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.385.769	(480.707)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.039.098)	(141.729.654)
- Chi phí lãi vay	06	2.232.833.333	598.166.666
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.977.484.078	16.428.341.756
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(21.503.296.853)	(3.023.330.247)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(279.359.206.491)	(120.640.614.325)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	291.303.111.161	68.863.545.626
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	871.667.737	838.731.826
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(12.833.333)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.686.506.338)	(1.448.683.178)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	331.542.526
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(785.040.000)	(364.023.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.805.379.961	(39.014.489.016)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.989.995.739)	(6.369.431.205)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	561.210.836
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000)	(11.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	11.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(28.184.855.626)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.039.098	141.729.654
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.467.956.641)	(33.851.346.341)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		44.755.636.364	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		-		37.000.000.000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-		(10.000.000.000)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.610.000)		(136.753.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.610.000)		71.618.883.364	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.687.186.680)		(1.246.951.993)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.593.671.928		5.840.143.214	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		441.194		480.707	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	906.926.442		4.593.671.928	

Người lập biểu

Phạm Thị Duyên

Kế toán trưởng

Cao Hoàng Lan

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Giám đốc



Lưu Công An

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại thời điểm cuối năm 2018, Công ty có nhập mua lượng lớn phôi đá để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019. Do đó giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm 2018 tăng mạnh so với đầu năm.

6. Cấu trúc Stone Việt Nam

Stone Việt Nam bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo công ty con đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Stone Việt Nam

Trong năm, Stone Việt Nam không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6b. Danh sách công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long có trụ sở chính tại đường số 8, xã Hiệp Phước, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là cắt tạo đá và hoàn thiện đá. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99,99% (số đầu năm là 99,99%), tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Stone Việt Nam có 294 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Stone Việt Nam (số đầu năm là 208 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Stone Việt Nam bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Stone Việt Nam áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Stone Việt Nam thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Stone Việt Nam, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Stone Việt Nam và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Stone Việt Nam và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Stone Việt Nam mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Stone Việt Nam chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Stone Việt Nam dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Stone Việt Nam thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Stone Việt Nam mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Stone Việt Nam thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Ngân hàng Stone Việt Nam thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Stone Việt Nam có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Stone Việt Nam nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Stone Việt Nam và người mua là đơn vị độc lập với Stone Việt Nam, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Stone Việt Nam chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (26 – 41 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Stone Việt Nam phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 11
Máy móc và thiết bị	5 – 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Stone Việt Nam phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Stone Việt Nam bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Công ty. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Nhà

08 - 10

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Stone Việt Nam) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Stone Việt Nam phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Stone Việt Nam, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Stone Việt Nam đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Stone Việt Nam đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Stone Việt Nam đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Stone Việt Nam đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Stone Việt Nam đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Stone Việt Nam có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Stone Việt Nam dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Stone Việt Nam là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Stone Việt Nam được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Stone Việt Nam không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Stone Việt Nam sản xuất ra hoặc do hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó Ban Giám đốc nhận định Stone Việt Nam chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	125.723.016	189.878.157
Tiền gửi ngân hàng	781.203.426	4.403.793.771
Cộng	<u>906.926.442</u>	<u>4.593.671.928</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Stone Việt Nam chỉ có khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>83.745.137</u>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	1.725.889	
Trường Đại học Phenikaa	28.943.145	
Viện Nghiên cứu và Công nghệ Phenikaa	53.076.103	
Phải thu các khách hàng khác	<u>4.467.080.598</u>	<u>4.903.756.908</u>
Công ty Cổ phần TID	1.396.067.957	1.396.067.957
Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội	1.178.951.610	1.178.951.610
Công ty TNHH Nội thất Bùi Gia	432.687.780	627.457.396
Các khách hàng khác	1.459.373.251	1.701.279.945
Cộng	<u>4.550.825.735</u>	<u>4.903.756.908</u>

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	3.750.964.535	4.132.896.473
------------------------------------	---------------	---------------

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.132.896.473	3.887.706.485
Trích lập dự phòng bổ sung		245.189.988
Hoàn nhập dự phòng	(381.931.938)	
Số cuối năm	<u>3.750.964.535</u>	<u>4.132.896.473</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>197.635.000</i>	<i>292.200.764</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM-Hà Nội	197.635.000	292.200.764
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>282.539.511</i>	<i>1.153.128.504</i>
Công ty Cổ phần In và Phát triển Quảng cáo Hà Nội		214.579.750
Công ty TNHH Thiết bị nâng Tín Nghĩa	70.950.000	113.850.000
Công ty TNHH Kết cấu thép Hoàng Triều		505.359.654
Công ty TNHH Máy và Thiết bị Minh Hoàng		168.458.400
Công ty TNHH HK Plastic Việt	95.683.400	28.183.400
Công ty TNHH Công nghiệp 3A	65.450.000	65.450.000
Sanwa Kenma.,Ltd	40.556.111	
Các nhà cung cấp khác	9.900.000	57.247.300
Cộng	<u>480.174.511</u>	<u>1.445.329.268</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>361.823.905</i>		<i>312.256.687</i>	
Tạm ứng	355.852.638		200.387.083	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.971.267		111.869.604	
Cộng	<u>361.823.905</u>		<u>312.256.687</u>	

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	494.666.204.311		219.000.103.998	
Công cụ, dụng cụ	1.752.380.738		1.653.559.773	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.734.204.370		12.370.236.590	
Thành phẩm	7.048.476.134		4.088.764.584	
Hàng hóa	526.584.077		255.978.194	
Cộng	<u>516.727.849.630</u>		<u>237.368.643.139</u>	

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAMĐịa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất trả trước	24.768.002.382	25.249.664.273
Chi phí sửa chữa lớn	374.847.220	704.038.624
Chi phí công cụ dụng cụ và phần mềm	456.662.399	297.970.974
Chi phí trả trước dài hạn khác	52.239.267	200.990.624
Cộng	<u>25.651.751.268</u>	<u>26.452.664.495</u>

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	34.055.419.514	24.019.999.728	5.165.576.057	519.334.128		63.760.329.427
Mua trong năm		13.176.030.088	1.762.997.800		458.840.000	15.397.867.888
Đầu tư XD CB hoàn thành	9.647.199.182					9.647.199.182
Bất động sản đầu tư chuyển sang	11.149.247.084					11.149.247.084
Số cuối năm	<u>54.851.865.780</u>	<u>37.196.029.816</u>	<u>6.928.573.857</u>	<u>519.334.128</u>	<u>458.840.000</u>	<u>99.954.643.581</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.225.042	10.180.540.287	1.868.901.512	55.097.673		12.143.764.514
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	18.961.244.471	15.766.523.155	2.858.473.322	191.748.903		37.777.989.851
Khấu hao trong năm	3.652.720.677	2.877.588.517	734.103.021	99.403.671	105.547.560	7.469.363.446
Chuyển sang bất động sản đầu tư	6.537.416.655					6.537.416.655
Số cuối năm	<u>29.151.381.803</u>	<u>18.644.111.672</u>	<u>3.592.576.343</u>	<u>291.152.574</u>	<u>105.547.560</u>	<u>51.784.769.952</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	15.094.175.043	8.253.476.573	2.307.102.735	327.585.225		25.982.339.576
Số cuối năm	<u>25.700.483.977</u>	<u>18.551.918.144</u>	<u>3.335.997.514</u>	<u>228.181.554</u>	<u>353.292.440</u>	<u>48.169.873.629</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	3.572.286.800	59.538.113	3.512.748.687
Khấu hao trong năm	-	714.457.360	(714.457.360)
Số cuối năm	<u>3.572.286.800</u>	<u>773.995.473</u>	<u>2.798.291.327</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng cho thuê

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	11.149.247.084	6.265.405.093	4.883.841.991
Khấu hao trong năm		272.011.562	(272.011.562)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.149.247.084)	(6.537.416.655)	(4.611.830.429)
Số cuối năm			

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	3.102.466.184	11.912.231.999	(14.345.287.888)	669.410.295
Xây dựng cơ bản dở dang	8.433.651.372	1.335.903.889	(9.647.199.182)	122.356.079
Cộng	11.536.117.556	13.248.135.888	(23.992.487.070)	791.766.374

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	399.439.891.887	109.991.021.948
Công ty Cổ phần Vicostone	336.850.000.251	81.520.991.436
Công ty Cổ phần Phương Hoàng Xanh A&A	28.959.128.243	15.201.176.849
Công ty Cổ phần Style Stone	33.160.412.915	13.184.534.218
Công ty Cổ phần Trung tâm Séc G3	431.699.456	65.108.560
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án VPM - Hà Nội	38.651.022	19.210.885
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	4.183.778.572	2.830.502.294
Các nhà cung cấp khác	4.183.778.572	2.830.502.294
Cộng	403.623.670.459	112.821.524.242

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			868.932.066	(868.932.066)		
Thuế xuất, nhập khẩu			34.643.311	(34.643.311)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp		180.765.584	1.931.392.349	(1.686.506.338)	64.120.427	
Thuế thu nhập cá nhân	99.459.400		501.133.848	(481.579.482)	119.013.766	
Các loại thuế khác			91.107.922	(91.107.922)		
Cộng	99.459.400	180.765.584	3.427.209.496	(3.162.769.119)	183.134.193	

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Stone Việt Nam nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Stone Việt Nam kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Stone Việt Nam được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty mẹ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động bán thành phẩm và hoạt động gia công với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2008 đến 2019). Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (năm 2008 đến năm 2010) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2011 đến năm 2017).
- Các khoản thu nhập của Công ty con và thu nhập từ các hoạt động khác của Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Stone Việt Nam được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Stone Việt Nam kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.818.166.666	598.166.666
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A - Lãi vay phải trả	2.818.166.666	598.166.666
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	379.312.532	480.950.546
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	357.789.500	382.399.500
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	21.523.032	98.551.046
Cộng	3.197.479.198	1.079.117.212

Stone Việt Nam không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là khoản vay không có tài sản đảm bảo của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A với lãi suất 6%/năm, thời hạn vay 11 tháng.

Stone Việt Nam có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Stone Việt Nam không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	530.258.946	448.472.295	(530.178.967)	448.552.274
Quỹ phúc lợi	19.375.569	179.388.918	(126.375.569)	72.388.918
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	128.485.464	44.847.229	(128.485.464)	44.847.229
Cộng	678.119.979	672.708.442	(785.040.000)	565.788.421

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến “khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con”. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm		
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	164.267.145	
Số cuối năm	164.267.145	

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15% (năm trước thuế suất là 15%).

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	65.127.500.000	(60.050.000)	12.916.711.658	46.830.529.209		124.814.690.867
Tăng do đầu tư vào Công ty con					3.000.000	3.000.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	44.872.500.000					44.872.500.000
Lợi nhuận trong năm trước				8.969.445.893	(41.928)	8.969.403.965
Trích quỹ đầu tư phát triển			1.969.307.613	(1.969.307.613)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(927.281.954)		(927.281.954)
Giảm khác		(116.863.636)				(116.863.636)
Số dư cuối năm trước	110.000.000.000	(176.913.636)	14.886.019.271	52.903.385.535	2.958.072	177.615.449.242
Số dư đầu năm nay	110.000.000.000	(176.913.636)	14.886.019.271	52.903.385.535	2.958.072	177.615.449.242
Lợi nhuận trong năm nay				8.595.853.661	(109.511)	8.595.744.150
Trích quỹ đầu tư phát triển			484.440.037	(484.440.037)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(672.708.442)		(672.708.442)
Số dư cuối năm nay	110.000.000.000	(176.913.636)	15.370.459.308	60.342.090.717	2.848.561	185.538.484.950

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A	66.585.890.000	66.585.890.000
Các cổ đông khác	43.414.110.000	43.414.110.000
Cộng	110.000.000.000	110.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	11.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	11.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 30 tháng 3 năm 2018 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 484.440.037
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	: 44.847.229
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 627.861.213
Cộng	: 1.157.148.479

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

19a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	838,40	1.040,44
Euro (EUR)	115,26	221,55
Yên Nhật (JYP)	10.000,00	10.000,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa vật tư	1.552.157.248	1.652.264.577
Doanh thu bán thành phẩm	291.157.917.879	174.943.087.886
Doanh thu gia công và dịch vụ khác	3.354.307.586	2.374.354.478
Cộng	296.064.382.713	178.969.706.941

(i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	5.303.880.947	4.151.839.280
Doanh thu bán hàng hóa vật tư	1.143.280.147	
Doanh thu bán thành phẩm	3.684.187.330	4.151.839.280
Doanh thu gia công và dịch vụ khác	476.413.470	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Vicostone	289.541.662.905	170.994.172.314
<i>Doanh thu bán hàng hóa vật tư</i>	<i>400.755.365</i>	<i>626.326.707</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>286.488.155.068</i>	<i>170.367.845.607</i>
<i>Doanh thu gia công và dịch vụ khác</i>	<i>2.368.352.472</i>	
<i>Doanh thu cho thuê tài sản</i>	<i>284.400.000</i>	
Công ty Cổ phần Style Stone	71.685.114	
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>12.804.689</i>	
<i>Doanh thu gia công và dịch vụ khác</i>	<i>58.880.425</i>	
Trường Đại học Phenikaa	26.311.950	
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>26.311.950</i>	
Viện nghiên cứu và Công nghệ Phenikaa	48.251.003	
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>48.251.003</i>	
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán thành phẩm	265.761.012.629	156.246.188.733
Giá vốn của hàng hóa, vật tư	1.314.148.300	1.363.265.154
Giá vốn của dịch vụ gia công và dịch vụ khác	301.558.150	1.099.231.264
Cộng	<u>267.376.719.079</u>	<u>158.708.685.151</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	22.039.098	32.012.988
Lãi tiền cho vay		109.716.666
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.456.761	688.540
Cộng	<u>23.495.859</u>	<u>142.418.194</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.232.833.333	598.166.666
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	67.772	207.833
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.842.530	
Cộng	<u>2.235.743.635</u>	<u>598.374.499</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.855.277.125	1.317.075.060
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	92.041.733	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.908.983	31.733.163
Các chi phí khác	149.189.835	79.286.544
Cộng	<u>2.098.417.676</u>	<u>1.428.094.767</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.550.217.860	4.240.008.655
Chi phí vật liệu quản lý	440.197.266	205.794.108
Chi phí đồ dùng văn phòng	206.204.360	126.848.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.343.620.675	1.309.075.386
Thuế, phí và lệ phí	249.396.163	50.634.651
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(381.931.938)	245.189.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.389.225.973	1.149.004.777
Các chi phí khác	1.854.897.586	1.561.223.440
Cộng	<u>13.651.827.945</u>	<u>8.887.779.546</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý phế liệu	40.090.910	
Tiền bồi thường		10.995.000
Thu nhập khác	6.871.138	46.934.060
Cộng	<u>46.962.048</u>	<u>57.929.060</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	63.893.928	-
Chi phí khác	16.834.713	7.287.502
Cộng	<u>80.728.641</u>	<u>7.287.502</u>

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.595.853.661	8.969.445.893
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(644.689.025)	(672.708.442)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	7.951.164.636	8.296.737.451
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.000.000	7.361.025
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	<u>723</u>	<u>1.127</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	225.872.734.042	127.308.417.059
Chi phí nhân công	37.299.813.430	25.410.524.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.455.832.368	6.187.362.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.705.910.609	8.584.990.948
Chi phí khác	3.743.800.913	4.337.434.227
Cộng	<u>290.078.091.362</u>	<u>171.828.729.095</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Stone Việt Nam bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Stone Việt Nam không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Stone Việt Nam không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương và thưởng với tổng số tiền trong năm là 1.987.596.193 VND (cùng kỳ năm trước là 1.405.046.889 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Stone Việt Nam gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vicostone	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Trung tâm Séc G3	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM-Hà Nội	Công ty trong tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Stone Việt Nam với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A		
<i>Mua nguyên vật liệu</i>	45.082.267.757	25.092.216.321
<i>Vay ngắn hạn</i>		3.700.000.000
<i>Chi phí lãi vay</i>	2.220.000.000	598.166.666
<i>Cho vay ngắn hạn</i>		11.000.000.000
<i>Tất toán khoản vay</i>		11.000.000.000
<i>Lãi cho vay</i>		109.716.666
Công ty Cổ phần Vicostone		
<i>Mua phôi đá</i>	409.949.790.644	193.301.516.651
<i>Mua vật tư</i>	6.146.486.306	1.356.427.797
<i>Mua tài sản cố định</i>	1.921.634.811	
<i>Bán tài sản cố định</i>		510.191.669
<i>Chi phí tiền nước, dịch vụ môi trường</i>	154.829.115	
Công ty Cổ phần Style Stone		
<i>Mua phôi đá</i>	21.867.938.468	15.680.117.807
<i>Mua vật tư</i>		39.247.580
Công ty Cổ phần Trung tâm Séc G3		
<i>Mua vật tư, văn phòng phẩm</i>	746.024.141	355.236.762
<i>Chi phí ăn ca</i>	938.723.732	
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM - Hà Nội		
<i>Chi phí thi công xây dựng công trình</i>	1.589.708.831	1.166.952.127
<i>Chi phí dịch vụ tư vấn</i>	63.753.784	

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác và việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Stone Việt Nam là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Doanh thu gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh chiếm tỷ trọng 98,19% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Stone Việt Nam được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Stone Việt Nam không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Thị Duyên
Người lập biểu



Cao Hoàng Lan
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Lưu Công An
Giám đốc